

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:90/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản là tiền*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 192/2022/DSST ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc:“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐ-XX ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 09-9-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: 32 B - đường Xô Viết N, phường Thắng B, thành phố X, tỉnh Z (có mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Văn A, sinh năm 1980

Địa chỉ: 45/3A- đường Xô Viết N, phường B, thành phố X, tỉnh Z (vắng mặt đến lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-6-2022 và qua quá trình làm việc tại Tòa nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày:

Do vợ chồng nguyên đơn anh T và bị đơn anh Vũ Văn A sống chung tổ dân phố và hai gia đình quen biết nhau. Năm 2019, anh T nói cần tiền để mở cửa hàng và mua sắm đồ để sửa xe ô tô và hỏi mượn tiền anh T.

Ngày 09-7-2019, anh T cho bị đơn anh A mượn số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng); anh T có viết giấy mượn tiền và hẹn tới 30-12-2019, anh T sẽ trả. Tới thời hạn anh T đòi tiền nhưng anh A không trả còn lảng tránh.

Nay anh Tuấn khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Vũ Văn A trả anh T số tiền anh T đã mượn là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn: Anh Vũ Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt nhiều lần, đến ngày 14-9-2022, bị đơn anh A tới Tòa và làm bản khai xác nhận có mượn của vợ chồng anh T 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Anh A nó đã trả cho anh T 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) trong đó có 60.000.000đ (Sáu mươi triệu), là nợ gốc và 30.000.000đ (Ba mươi triệu) là nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa; nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Năm 2019, giữa nguyên đơn anh Trần Anh T có cho bị đơn anh Vũ Văn A vay số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), nay có sự tranh chấp nên xác định đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hợp vay tài sản là tiền”; căn cứ điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Vũ Văn A, có hộ khẩu thường trú: 45/ 3A - đường Xô Viết N, phường Thắng, thành phố X, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố X; căn cứ điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 09-9-2022, Tòa án nhân dân thành phố X đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; bị đơn anh A được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do, nay anh A vắng mặt đến lần thứ 2, không vì trở ngại khách quan; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn A.

Đây là vụ án không xác minh thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng ..., do đó Viện kiểm sát không tham gia.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H là vợ của nguyên đơn anh Trần Anh T; chị H xác nhận khoản tiền anh T cho anh A mượn là tiền riêng của anh T, trong vụ án này chị H không liên quan; Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản riêng của anh T cho anh A mượn do đó xét yêu cầu của đương sự và quy định của pháp luật không đưa chị H vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Năm 2019, giữa nguyên đơn anh Trần Anh T có cho bị đơn anh Vũ Văn A vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu); không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay là để mua sắm đồ dùng cho tiệm sửa xe ô tô. Do bị đơn anh A không trả nợ gốc, anh Tuấn đã khởi kiện anh A ra Tòa án nhân dân thành phố X; yêu cầu bị đơn anh Vũ Văn A phải trả anh T số tiền là: 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu). Anh T không yêu cầu bị đơn anh T trả lãi.

[3] Về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền ngày 09-7-2019, anh T cho anh A vay số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu).

Tại phiên Tòa bị đơn anh A vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 14-9-2022 (BLsố 27), anh A xác nhận có vay của anh T số tiền 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu) và nói đã trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu), giờ chỉ còn nợ 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu), anh A không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả số tiền như anh A trình bày.

Do bị đơn anh Vũ Văn A xác nhận có vay số tiền 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu đồng), của nguyên đơn anh T; căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc tình tiết không phải chứng minh.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu; yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Vũ Văn A phải trả số nợ gốc 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu) và không yêu cầu bị đơn trả lãi.

[4]Từ những chứng cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định:Giữa nguyên đơn anh T và bị đơn anh A có xác lập 01 hợp đồng vay tài sản; ngày 09-7-2019, anh T cho anh A vay số tiền là 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu) là có thật.

Tới ngày xét xử bị đơn anh Vũ Văn A chưa trả nợ gốc 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu), cho nguyên đơn anh T; Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy; có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Anh T đối với bị đơn anh Vũ Văn A về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản là tiền”; buộc bị đơn anh Vũ Văn A phải trả anh Trần Anh T số nợ là 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi nguyên đơn anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[6]Về án phí DSST: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Vũ Văn A phải chịu toàn bộ án phí là 9.000.000đđ (Chín triệu đồng).

Cách tính án phí (từ trên 6.000.000đ đến 400.000.000đ là 5% giá trị tài sản có tranh chấp).

Nguyên đơn anh Trần Anh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002715 ngày 24-6-2022, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều: Điều 26, Điều 35,khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 , khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Anh Tuấn với bị đơn anh Vũ Văn Tín;

[1] Buộc bị đơn anh Vũ Văn A có nghĩa vụ trả số nợ là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu), cho nguyên đơn anh Trần Anh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí DSST: Bị đơn anh Vũ Văn A phải chịu toàn bộ án phí là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

[3] Nguyên đơn Trần Anh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002715 ngày 24-6-2022, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Z xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp-VT ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp- VT;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM.HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THẢM
THẢM PHAÙN - CHUÛ TOÏA PHIEÂN TOÛA

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND Tp-VT
- Các đương sự;
- Thị hành án dân sự Tp- VT
- Lưu hồ sơ.